

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao
đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ cao; ứng dụng hiệu quả công nghệ cao trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường; sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ, hình thành doanh nghiệp công nghệ cao và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Nghiên cứu, làm chủ, phát triển các công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, trong đó tập trung phát triển các công nghệ bảo đảm cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ nhằm có được ít nhất 10 sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ quốc tế.

b) Ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ cao đạt khoảng 30% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, hình thành mới và nâng cao chất lượng các dịch vụ trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội; tăng nhanh giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng nhanh quy mô, giá trị gia

tăng của các sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của đất nước.

c) Xây dựng và phát triển khoảng 200 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển tham gia thực hiện Chương trình với tổng kinh phí huy động ngoài ngân sách nhà nước tối thiểu đạt 2.500 tỷ đồng; xây dựng và phát triển ít nhất 80 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng kinh tế trọng điểm.

3. Mục tiêu đến năm 2030

a) Nghiên cứu, phát triển và làm chủ được khoảng 20 công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, ứng dụng có hiệu quả trong hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao của doanh nghiệp.

b) Ứng dụng công nghệ cao nhằm tăng giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ cao đạt khoảng 40% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng gấp đôi so với năm 2025, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao ở các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhằm giải quyết các nhiệm vụ chủ chốt trong kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

c) Xây dựng và phát triển khoảng 500 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển tham gia thực hiện Chương trình với tổng kinh phí huy động ngoài ngân sách nhà nước tối thiểu đạt 6.000 tỷ đồng; xây dựng và phát triển khoảng 200 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các vùng kinh tế trọng điểm.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình gồm 3 chương trình thành phần sau đây: Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao; Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao; Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

1. Nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ cao

Tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu, làm chủ, phát triển các công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thuộc 04 lĩnh vực công nghệ ưu tiên, bao gồm: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa và công nghệ vật liệu mới.

2. Ứng dụng công nghệ cao

Tổ chức xây dựng và triển khai các dự án ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ phê

duyệt cho các ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu các cấp đã được nghiệm thu, các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc các thỏa thuận hợp tác về khoa học và công nghệ Nhà nước tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ triển khai các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao theo các nội dung chủ yếu sau:

a) Trong công nghiệp

Căn cứ chiến lược phát triển các ngành công nghiệp, tập trung vào các ngành công nghiệp được ưu tiên lựa chọn sau: (i) Công nghiệp năng lượng: năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới; (ii) Công nghiệp chế biến, chế tạo trong một số ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa như: ô tô, cơ khí chế tạo, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị công nghiệp, thiết bị khai khoáng, thiết bị điện, chế biến thực phẩm, dệt may, da giày; (iii) Công nghiệp điện tử nhằm tạo ra nền tảng chế tạo sản phẩm điện tử dân dụng và chuyên dụng; (v) Công nghiệp luyện kim, hóa chất và chế biến sâu khoáng sản có giá trị cao.

Tập trung ứng dụng công nghệ cao cho các nhiệm vụ:

Chế tạo các thiết bị đo lường, thiết bị điều khiển tự động, phát triển ngành điện, điện tử, công nghệ thông tin. Nâng cao năng lực chế tạo máy, đặc biệt là chế tạo máy động lực, máy công cụ, máy công nghệ cao, các loại khuôn mẫu và dao cắt có độ chính xác cao. Nâng cao độ tinh khiết và tính năng kỹ thuật của các sản phẩm kim loại, hợp kim, thép kỹ thuật trong luyện kim, đặc biệt các sản phẩm từ nguồn tài nguyên và nguyên liệu trong nước.

Nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm, bảo đảm tốt môi trường sinh thái và tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp hóa chất, chế biến thực phẩm.

Hiện đại hóa các nhà máy điện hiện có, xây dựng các nhà máy điện mới; tạo các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới; giảm tổn thất điện năng trong truyền tải và phân phối điện; nâng cao hiệu quả điều khiển, điều độ và quản lý hệ thống điện; sản xuất các loại máy móc, dây chuyền thiết bị tiết kiệm năng lượng.

b) Trong dịch vụ:

Tạo ra các dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao. Phát triển các dịch vụ mới như dịch vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật và truyền dữ liệu vệ tinh; dịch vụ xử lý ảnh vệ tinh; dịch vụ ảo hóa và điện toán đám mây; dịch vụ cho Chính phủ điện tử và đô thị thông minh. Nâng cao hiệu quả của dịch vụ tích hợp hệ thống công nghệ thông tin; dịch vụ khai thác và xử lý dữ liệu lớn; dịch vụ giao dịch điện tử; dịch vụ xác định trình tự và giám định gen; dịch vụ thử nhanh phát hiện vi sinh vật nguy hại và độc tố. Nâng cao chất lượng dịch vụ truyền thông đa phương tiện, vận chuyển hành khách và hàng hóa, logistics, kiểm định và giám định tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc hàng hóa, giải pháp và công cụ chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

c) Trong nông nghiệp:

Tạo ra và áp dụng rộng rãi các giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản mới có đặc tính ưu việt, năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; các sản phẩm cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản có chất lượng, hiệu quả kinh tế cao và bảo đảm an toàn sinh học; các chế phẩm sinh học trong phòng, trị sinh vật gây hại, bệnh hại, trong giám định, chẩn đoán bệnh hại cây trồng, vật nuôi, thủy sản và xử lý môi trường; các chất điều hòa sinh trưởng, chế phẩm sinh học cho cây trồng, thức ăn chăn nuôi; trong sản xuất thuốc thử, que thử, đoạn môi, kháng thể chẩn đoán nhanh bệnh hại cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

Thực hiện các quy trình công nghệ tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi, quản lý rừng, khai thác và nuôi trồng thủy sản, bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản. Xây dựng các hệ thống tự động hóa trong sản xuất giá thể, vật tư nông nghiệp, chất bảo quản, màng bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản, màng phủ nông nghiệp, vật liệu và thiết bị phụ trợ cho hệ thống nhà màng, nhà kính. Xây dựng các hệ thống tự động hoá trong quá trình chăn nuôi, thâm canh nuôi trồng thủy sản, trồng trọt ở quy mô công nghiệp; hệ thống tự động hóa trong giết mổ, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi; trong kiểm soát, xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; trong khai thác, phân loại lâm sản rừng trồng, trong đánh bắt thủy sản; trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch và chế biến.

Quy hoạch áp dụng và quản lý tốt đất đai trồng trọt, quản lý cây trồng tổng hợp và thu hoạch theo thời vụ, điều tra và khai thác nguồn lợi thủy sản, quản lý và bảo vệ rừng, quản lý điều hành và thi công các công trình thủy lợi, sử dụng tài nguyên nước. Xây dựng các hệ thống thông tin địa lý phục vụ quản lý, điều hành các công trình thủy lợi, khai thác nguồn lợi hải sản, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giám sát và đánh giá mùa màng, giám sát phòng chống cháy rừng, quản lý tài nguyên rừng, xói lở bờ biển, phòng chống dịch hại cây trồng nông lâm nghiệp; xây dựng các hệ thống thông tin trong sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản; hệ thống thông tin trong dự báo, tích trữ, khai thác nguồn nước; trong thu, trữ nước để cung cấp nước ổn định, hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp đa mục tiêu.

d) Trong một số lĩnh vực kinh tế-xã hội chủ yếu

Tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông. Hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông nhằm tạo nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác như công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông. Đẩy mạnh thương mại điện tử, công nghiệp công nghệ số, công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ robot, công nghệ internet vạn vật.

Có giải pháp, hệ thống và chế tạo thiết bị cho mạng thế hệ sau trong lĩnh vực viễn thông và phát thanh truyền hình. Đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin trọng yếu của quốc gia và các giao dịch số. Tạo nền tảng, hệ thống và sản phẩm cho chính phủ điện tử ở các cấp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội chủ chốt để tạo ra các sản phẩm, dịch

vụ chủ lực của quốc gia, vùng và địa phương; Xây dựng các nhà máy thông minh, ngân hàng thông minh và du lịch thông minh.

Triển khai ứng dụng OTT và truyền hình kết hợp với thực tế ảo, thương mại điện tử, đa phương tiện xã hội. Xây dựng, triển khai chuẩn tiên tiến về phát thanh vệ tinh số và mặt đất.

Tạo ra các giải pháp, công nghệ, thiết bị và vật liệu tiên tiến cho các công trình xây dựng. Xây dựng giải pháp, hệ thống và chế tạo thiết bị cho ngôi nhà thông minh, đô thị thông minh và giao thông thông minh. Chế tạo phương tiện, trang thiết bị và phụ tùng giao thông tiên tiến.

Chế tạo thiết bị giáo dục, đào tạo và huấn luyện hiện đại cho các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng giải pháp, hệ thống và chế tạo thiết bị cho giáo dục và đào tạo thông minh, đặc biệt là giáo dục và đào tạo khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM), ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị bệnh. Sản xuất được các loại thuốc, các loại vắc xin phòng chống, điều trị các bệnh nguy hiểm phổ biến, có mức độ lây lan nhanh; các loại dược liệu, nguyên liệu làm thuốc, thực phẩm chức năng có hoạt tính cao và tác dụng phòng, điều trị bệnh hiệu quả; các sản phẩm điều trị được sản xuất từ tế bào gốc, các liệu pháp điều trị tới đích trong điều trị ung thư, các cảm biến sinh học, chip sinh học. Sản xuất thiết bị y tế và vật liệu y tế tiên tiến cho chẩn đoán và điều trị bệnh. Xây dựng các hệ thống chẩn đoán, phẫu thuật và điều trị bệnh trực tuyến. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin-sinh học trong chẩn đoán và điều trị.

Bảo vệ môi trường, đặc biệt là xây dựng các hệ thống dự báo thời tiết kịp thời và chính xác, hệ thống cảnh báo ô nhiễm, phòng chống thiên tai, các hệ thống thiết bị, chế phẩm vi sinh xử lý hiệu quả ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Tạo ra các sản phẩm mới thích nghi với biến đổi khí hậu. Tái chế và tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ các chất phế thải. Xây dựng giải pháp, công nghệ và vật liệu mới chống xói lở và bảo vệ bờ biển, hải đảo, bờ sông, các công trình thủy lợi do biến đổi khí hậu.

e) Trong an ninh, quốc phòng:

Nghiên cứu xu hướng phát triển vũ khí, trang bị kỹ thuật của các nước trên thế giới; các giải pháp chế áp, vô hiệu hóa, hạn chế uy lực, tính năng đối với một số chủng loại vũ khí, trang bị công nghệ cao của đối phương. Nâng cao năng lực nghiên cứu thiết kế, chế tạo, cải tiến hiện đại hóa, khai thác làm chủ và bảo đảm kỹ thuật đối với các loại vũ khí, trang bị. Tiếp thu, làm chủ công nghệ tiên tiến, ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (ưu tiên các lĩnh vực: tự động hóa chỉ huy, thông minh hóa các loại vũ khí trang bị kỹ thuật, an ninh an toàn mạng, xử lý hệ thống dữ liệu lớn, các hệ thống tự động điều khiển, robot, công nghệ mô phỏng và các công nghệ tiên tiến khác...), làm chủ được các công nghệ chế tạo vũ khí, khí tài đã được chuyển giao, làm cơ sở để công nghiệp quốc phòng chủ động sản xuất được vũ khí, trang bị cần thiết. Nghiên cứu tăng

dần tỷ lệ nội địa hóa trong các sản phẩm quốc phòng; chủ động về vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất quốc phòng và bảo đảm kỹ thuật.

Ứng dụng có hiệu quả các thành tựu, tiên bộ KH&CN, công nghệ mũi nhọn trong các hoạt động nghiên cứu, tạo bước chuyển biến và hình thành các sản phẩm có tính đột phá về KH&CN, nâng cao hiệu quả ứng dụng thực tiễn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội trong tình hình mới, như: Các hệ thống tự động hóa chỉ huy, điều khiển, xử lý máy tính, truyền thông và trinh sát, giám sát, nhận dạng, tình báo tích hợp quản lý vùng trời, vùng biển quốc gia (C4I, C4IRS); các hệ thống mô phỏng phục vụ huấn luyện; các thiết bị không người lái và thiết bị phát hiện, giám sát, chế áp phương tiện không người lái; nghiên cứu, phát triển các hệ thống tích hợp trang bị cho một người lính; các vũ khí trang bị kỹ thuật công nghệ cao; phát triển hệ thống bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin; công nghệ xử lý chất thải nguy hại, chất độc hóa học/dioxin và các chất hữu cơ khó phân hủy; các giải pháp kỹ thuật và công nghệ ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động quân sự; các bộ kit sinh học phát hiện nhanh, chính xác các mầm bệnh tối nguy hiểm; các chế phẩm sinh học xử lý chất thải hữu cơ trong môi trường nước biển; xây dựng cơ sở dữ liệu nhận dạng ADN cho các lực lượng làm nhiệm vụ đặc biệt.

Chế tạo trang thiết bị và xây dựng hệ thống phòng chống tội phạm công nghệ cao, hệ thống an ninh và phòng thủ quốc gia. Chế tạo trang thiết bị, hệ thống phòng chống khủng bố công nghệ cao.

3. Xây dựng và phát triển công nghiệp công nghệ cao:

Tổ chức xây dựng và triển khai các dự án, nhiệm vụ để hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao. Cụ thể như sau:

a) Xây dựng và phát triển hệ sinh thái các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu trên cơ sở triển khai đồng bộ với các Chương trình khác như Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình thương hiệu quốc gia.

b) Phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao trên cơ sở lồng ghép với các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Xây dựng và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Tổ chức xây dựng và triển khai các dự án, nhiệm vụ để hình thành và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Cụ thể như sau:

a) Xây dựng và phát triển hệ sinh thái các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao để phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giúp các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

b) Phối hợp, hỗ trợ địa phương trong việc ứng dụng công nghệ cao vào vận hành, hoạt động có hiệu quả, phát huy vai trò hạt nhân về công nghệ của các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Định kỳ rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Định kỳ rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ cao; ứng dụng hiệu quả công nghệ cao trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường; sản xuất sản phẩm, dịch vụ, hình thành doanh nghiệp và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm

a) Hỗ trợ kinh phí cho các dự án nghiên cứu công nghệ cao sau: đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực; có ý nghĩa quyết định đến việc tạo ra các sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế; tạo ra các dịch vụ công nghệ cao công ích, hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để nghiên cứu giải quyết các vấn đề thực tiễn có tác động quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

b) Hỗ trợ chi phí mua thông tin, máy móc thiết bị, sản phẩm mẫu, bản vẽ thiết kế, phần mềm, đào tạo, thuê chuyên gia tư vấn, sáng chế, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, kiểm định kết quả đối với các dự án hợp tác nghiên cứu công nghệ cao giữa các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao được ưu tiên đầu tư và khuyến khích phát triển.

d) Hỗ trợ kinh phí triển khai các hoạt động ứng dụng kết quả của các dự án nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và ứng dụng công nghệ cao.

3. Hỗ trợ và tạo điều kiện cho ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

Hỗ trợ đầu tư trực tiếp các dự án ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao được ưu tiên đầu tư và khuyến khích phát triển.

Tập trung hỗ trợ triển khai các hoạt động, nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng, mở rộng số lượng các chuyên gia, đơn vị tư vấn trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển công nghệ cao.

4. Đa dạng hóa và tập trung nguồn vốn thực hiện Chương trình

Kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bao gồm:

- Kinh phí thực hiện các chương trình thành phần, thực hiện các hoạt động chung của Chương trình và các nhiệm vụ khác của Chương trình.

- Kinh phí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp.

5. Thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế về công nghệ cao

Hỗ trợ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ cao, đặc biệt là với quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức nước ngoài có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, sau đây:

a) Tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học song phương và đa phương, đặc biệt là với các nước có nền công nghiệp tiên tiến.

b) Thúc đẩy phát triển cơ sở, trung tâm hợp tác nghiên cứu công nghệ cao; các dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài về công nghệ cao.

c) Trao đổi chuyên gia, người làm công tác nghiên cứu, sinh viên của tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp công nghệ cao nước ngoài. Tham gia các hội, hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về công nghệ cao. Mời các chuyên gia công nghệ cao nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tình nguyện đến Việt Nam tham gia tư vấn, nghiên cứu, giảng dạy, thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và tác động của công nghệ cao

a) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng về các thành tựu ứng dụng và phát triển công nghệ cao trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng; giới thiệu phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ cao trong các trường phổ thông.

b) Mời và tạo điều kiện để lãnh đạo các doanh nghiệp, chuyên gia hàng đầu thế giới về công nghệ cao đến Việt Nam trao đổi, tư vấn với các nhà lãnh đạo cấp cao của Việt Nam, tham dự diễn đàn, hội thảo với các chuyên gia, sinh viên và học sinh trong nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình thành phần

a) Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao có mục tiêu nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ cao để ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, sản xuất sản phẩm và cung ứng các dịch vụ công nghệ cao với các nội dung được nêu tại các Mục II.1, II.2.b, II.2.d và II.2.e.

b) Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao có mục tiêu ứng dụng hiệu quả công nghệ cao trong công nghiệp và dịch vụ; hình thành và phát triển các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao, một số ngành công nghiệp công nghệ cao ở nước ta với các nội dung được nêu tại các Mục II.2.a và II.3.

c) Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ cao, ứng dụng hiệu quả công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp với các nội dung được nêu tại các Mục II.2c, II.4.

Các chương trình thành phần nêu trên thực hiện các mục tiêu và triển khai các giải pháp được nêu trong Quyết định này.

2. Ban chủ nhiệm chương trình thành phần

Ban chủ nhiệm các chương trình thành phần thực hiện quản lý hoạt động của các chương trình thành phần. Ban chủ nhiệm các chương trình thành phần do Bộ trưởng các bộ liên quan quyết định thành lập.

3. Nhiệm vụ của các Bộ, ngành

a) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình; phối hợp thực hiện các chương trình thành phần thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao; tổ chức triển khai các giải pháp, biện pháp thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách, biện pháp hỗ trợ thực hiện Chương trình; Chủ trì triển khai các hoạt động thúc đẩy ứng dụng các kết quả của dự án thuộc Chương trình.

- Chủ trì xây dựng, phê duyệt khung chương trình thành phần, quản lý và tổ chức triển khai Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao.

- Tổng hợp kế hoạch khoa học công nghệ, kinh phí từ các Chương trình thành phần gửi Bộ Tài chính để bố trí kinh phí thực hiện các Chương trình thành phần theo quy định đối với Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

b) Bộ Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành có liên quan bố trí ngân sách nhà nước dành cho Chương trình theo quy định của Luật Công nghệ cao.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, xây dựng cơ chế tài chính thực hiện Chương trình.

- Cấp phát kinh phí thực hiện các Chương trình thành phần theo các quy định đối với Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

c) Bộ Công thương: Chủ trì xây dựng, phê duyệt khung Chương trình thành phần, quản lý và tổ chức triển khai Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì xây dựng, phê duyệt Khung chương trình thành phần, quản lý và tổ chức triển khai Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

e) Các Bộ chủ trì Chương trình thành phần có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong quá trình rà soát, xây dựng khung Chương trình thành phần và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả của Chương trình; xây dựng, phê duyệt kế hoạch khoa học công nghệ phù hợp khung Chương trình được phân công quản lý, định kỳ, đột xuất báo cáo tình hình thực hiện chương trình thành phần gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

4. Điều khoản chuyển tiếp

Các nhiệm vụ đã phê duyệt danh mục trong Chương trình nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao trong Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 22/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ cao trong Quyết định số 347/QĐ-TTg ngày 22/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2020 trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục triển khai theo các quy định tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

Thông tư hướng dẫn quản lý tài chính áp dụng cho Quyết định thực hiện theo Thông tư liên tịch số 219/2010/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, cho đến khi có thông tư quản lý tài chính mới thay thế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX.

THỦ TƯỚNG